

Bản án số: 07/2024/ HNGĐ - ST  
Ngày 26-3-2024  
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tân Thương.
- Ông Nguyễn Đức Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST- HNGĐ ngày 11/10/2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 05/TB-TA ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện N H, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị K C**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn B B, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: **Anh Trần Đ C**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn B B, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K C trình bày:*

Chị C và anh C quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau từ năm 1999, nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H T, huyện N H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh

phúc. Chị đã cố gắng chịu đựng để nuôi con trưởng thành. Nay chị C xét thấy cuộc sống không thể nào kéo dài. Hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Trần Đ C.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Đ H, sinh ngày 10/01/2001; Trần Đức H, sinh ngày 22/02/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

*\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ, tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Trần Đ C trình bày:*

Anh C thống nhất như lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân hiện nay, con chung và tài sản chung, nợ chung. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh C không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: có 02 con chung tên Trần Đ H, sinh ngày 10/01/2001; Trần Đức H, sinh ngày 22/02/2003. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

-Án phí: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Trần Đ C, anh C có nơi cư trú ở xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị C và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2015, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị C có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Tại phiên tòa ngày 27/12/2023, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Trần Đ C vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 04/01/2024, chị Nguyễn Thị K C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 26/3/2024 chị C vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Trần Đ C vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh C đã diễn ra trong thời gian gian dài và đã trầm trọng. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng hiện nay anh chị đã sống ly thân, không có tiếng nói chung. Chị C đã không còn tình cảm với anh C và đã sống riêng. Mục đích của hôn nhân là sống hạnh phúc nhưng giữa chị C và anh C không thể quay về để tiếp tục chung sống vì vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Nguyễn Thị K C yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị K C được ly hôn với anh Trần Đ C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị C và anh C đều thừa nhận có 02 con chung tên Trần Đ H, sinh ngày 10/01/2001; Trần Đức H, sinh ngày 22/02/2003. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị C và anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K C pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K C.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K C được ly hôn anh Trần Đ C.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị K C pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai số 0000210 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- Chi cục THADS huyện N H;
- UBND xã H T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Diệu**